

Bản án số: 61/2017/DS-ST
Ngày 22-9-2017
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Huỳnh Thị Minh
Tuyết

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Thư ký TAND thành phố Tuy
Hòa, tỉnh Phú Yên

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị
Hung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T,
tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2017/TLST-HNGĐ ngày
24 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 93/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà S, sinh năm 1974

Bị đơn: Ông T, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã B, TP. T, tỉnh Phú Yên

Bà S có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 và quá trình thu thập chứng cứ,
nguyên đơn bà S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T cưới nhau năm 1998 được UBND
phường 3, TP. T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng
đầm ấm hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông
T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đi làm thì không đưa tiền cho bà
để lo gia đình, bà hỏi thì ông đánh đập, bà phải nhiều lần yêu cầu chính quyền địa
phương giải quyết. Nay bà không còn tình cảm nên đề nghị Tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là V, sinh năm 1998 và D, sinh
năm 2006. Nay ly hôn các con đã lớn nên ở với ai là quyền của các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại bản trình bày ngày 19/4/2017 cháu D có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2017, Công an xã B cung cấp: Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn P, xã B, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Ông T và bà S do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi, thỉnh thoảng bà S có báo chính quyền địa phương về việc ông T đánh bà.

Tòa án thành phố T đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị tòa giải quyết ly hôn; nhận nuôi con chung D, sinh ngày 9/3/2006 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, riêng con chung V, sinh ngày 09/01/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành nên chịu mọi hậu quả pháp lý.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S; con chung V đã trưởng thành nên không xem xét, con chung D có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: S và ông T được UBND phường 3, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 11/3/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp và bà S có yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp ly hôn.

[2] Áp dụng pháp luật về tố tụng: Bà S và ông T được UBND phường 3 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01 ngày 11/3/1998 và có tranh chấp nên áp dụng khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

[3] Áp dụng pháp luật về nội dung: Tranh chấp giữa bà S và ông T là tranh chấp về ly hôn và con chung. Do đó, căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà S, ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố T vào ngày 11/3/1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà S trình bày từ khi cưới nhau cho đến nay ông T không phụ giúp bà đi làm để lo cho cuộc sống gia đình và các con ăn học mà ông T thường nhậu nhẹt, say xỉn lại còn cờ bạc, quan hệ với những người phụ nữ khác ở ngoài đường về nhà lại hành hung, chửi mắng và cầm dao đe dọa bà, nhiều lần bà phải báo chính quyền địa phương giải quyết. Nay để ổn định cuộc sống nên bà đề nghị Tòa giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà S, ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

[4.2] Về con chung: Bà S, ông T có 02 con chung là V, sinh ngày 09/01/1998 và D, sinh ngày 09/3/2006. Nay ly hôn con chung V đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu giải quyết đồng thời xin nhận nuôi con chung D theo nguyện vọng của con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[4.4] Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S, bà S được ly hôn ông T.

Về con chung: Giao bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung D, sinh ngày 09/3/2006, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung V, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bà S phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà S đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004597 ngày 23/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường 3 (Giấy CHKH số 04, quyền số 01 ngày 11/3/1998);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cơ

